

PHẦN : TẬP LÀM VĂN

D) LÍ THUYẾT

A – Để làm tốt bài văn nghị luận

I – Đặc điểm và yêu cầu của văn nghị luận

Trong đời sống, người ta luôn phải bày tỏ ý kiến của mình về các hiện tượng tự nhiên về các hiện tượng tự nhiên, xã hội xảy ra xung quanh. Một cuộc thảo luận tổ, một cuộc họp, một vấn đề trong cuộc sống, một chính sách mới, một tác phẩm nghệ thuật, ... đều đòi hỏi mọi người bày tỏ thái độ của mình. Khác với lối bày tỏ bằng cảm xúc trong văn biểu cảm, việc bày tỏ ý kiến trong văn nghị luận nhằm giải thích, chứng minh, thuyết phục người nghe, người đọc một tư tưởng, một quan điểm nào đó

Muốn cho người đọc người nghe cũng hiểu như mình, đồng tình và ủng hộ quan điểm của mình, người viết văn nghị luận phải có những luận điểm rõ ràng, có lí lẽ đúng đắn, chặt chẽ rút từ sách vở, từ đời sống và có những dẫn chứng đáng tin cậy, thuyết phục

Mỗi bài văn nghị luận đều phải có luận điểm, luận cứ và lập luận để dẫn đến luận điểm

Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán.

Luận điểm là linh hồn của bài viết. Luận điểm đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục. Ví dụ trong bài “Chống nạn thất học”, luận điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh là: Phải nâng cao dân trí, muốn nâng cao dân trí thì phải chống nạn thất học, cụ thể là mỗi người Việt Nam phải biết đọc, biết viết.

Trong bài Sự giàu đẹp của Tiếng Việt, luận điểm chính là: Tiếng Việt của chúng ta là một thứ tiếng vừa giàu, vừa đẹp. Đó là quan niệm, là cách đánh giá của nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai

Luận điểm mà người viết nêu ra có tính thuyết phục phải có hai yếu tố quan trọng. Đó là phải được đảm bảo bằng luận cứ chắc chắn và lập luận chặt chẽ.

Luận cứ là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Trong bài “Tinh thần yêu nước” của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu luận điểm: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước”. Luận điểm này được đảm bảo bằng luận cứ rút từ sự thực lịch sử từ các thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... được đảm bảo bởi luận cứ lấy từ cuộc kháng chiến chống Pháp ở mọi miền, mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp

Lập luận là cách đưa ra lí lẽ, cách xếp đặt các luận cứ để dẫn đến kết luận nêu trong luận điểm. Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng trong bài “Đức tính giản dị của Bác Hồ” đã nêu lên luận điểm: “Bác là nhà cách mạng có sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay chuyển trời đất với đời sống vô cùng giản dị và khiêm tốn”. Để chứng minh cho luận điểm này, tác giả đã nêu các luận cứ và trình bày theo trình tự: Bác

giản dị trong bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Mỗi luận cứ đều có các dẫn chứng cụ thể có thể kiểm chứng được dễ dàng

II – Cách làm bài văn nghị luận

1, Quy trình làm bài văn nghị luận

Bài văn nghị luận cũng được làm theo quy trình chung của một bài tập làm văn gồm bốn bước: tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, tạo lập văn bản (viết bài và sửa bài). Muốn viết được bài văn nghị luận thành công thì phải tìm hiểu đề và tìm được các ý cho đề bài đó. Sau khi tìm được ý (theo cách lập ý thường gặp dưới đây) sẽ lập dàn ý và viết bài. Trong khi viết có thể bổ sung, thêm bớt ý cho dàn bài hoàn chỉnh. Bước cuối cùng là sửa lại bài viết, nhất là sửa các lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp.

2, Cách lập ý cho bài văn nghị luận

Muốn lập ý cho bài văn nghị luận, đầu tiên cần phải đọc kỹ đề bài để xác định luận điểm. Người viết cần xác định đúng vấn đề, phạm vi, tính chất của nó. Luận điểm chính đòi hỏi cần bàn bạc, cho ý kiến là gì? Tùy theo đề bài thuộc loại nào (giải thích, ca ngợi, khuyên bảo, nhấn nhủ, suy nghĩ, bàn luận, tranh luận, phản bác, ...) mà xác định luận điểm chính cho phù hợp

Tiếp theo là tìm luận cứ cho luận điểm. Thông thường muốn tìm luận cứ phải đưa ra câu hỏi: Vấn đề cần bàn bạc là gì? Định nghĩa như thế nào? Vì sao có nhận xét như vậy? Điều đó có lợi hay có hại, lợi hại cụ thể như thế nào? Các lí lẽ và dẫn chứng nào có thể phục vụ cho việc thuyết phục mọi người?

Sau khi tìm các luận cứ, phải xây dựng lập luận, tức là phải tổ chức, sắp xếp các lí lẽ, luận cứ theo một trình tự nhất định để luận điểm của người viết có sức thuyết phục.

B – Những kiểu bài thường gặp

Thật ra, đây là các thao tác lập luận chính khi làm bài văn nghị luận. Một bài văn nghị luận có tính thuyết phục thì người viết bao giờ cũng kết hợp các thao tác như giải thích, chứng minh, bình luận,... Tuy nhiên để phù hợp với việc rèn luyện các thao tác, chúng ta tạm quy ước thành các kiểu bài làm văn nghị luận. Trong chương trình Ngữ văn lớp 7 có ba kiểu bài phối hợp hai hình thức là lập luận giải thích kết hợp chứng minh

I – Kiểu bài thứ nhất: Lập luận chứng minh

1, Lưu ý chung

a, Chứng minh trong văn nghị luận là phép lập luận dùng các lí lẽ, chứng cứ xác thực, đáng tin cậy, được mọi người thừa nhận để chứng tỏ một luận điểm nào đó (một ý kiến, một nhận định, một đánh giá,...) là đúng hay sai, có lợi hay có hại, đáng tin hay không đáng tin

Các lí lẽ trong khi chứng minh được sắp xếp, trình bày theo một hệ thống nhất định. Có thể từ xưa đến nay, từ xa đến gần, từ rộng đến hẹp, từ khái quát đến cụ thể (và ngược lại, tùy theo dụng ý của người nói hoặc viết). Trong bài Đùng sợ vấp ngã (Ngữ văn 7, tập hai, trang 41), để thuyết phục người đọc không sợ vấp ngã, tác

giả đã lập luận rằng ai cũng từng vấp ngã, vấp ngã nhiều lần đến nỗi không nhớ nữa. Nhưng có sao đâu. Đề tặng tính thuyết phục về không sợ vấp ngã, người viết đã đưa ra năm dẫn chứng cụ thể về những người thành công, nổi tiếng ở các châu lục khác nhau, thuộc các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật khác nhau. Vấp ngã không chỉ một lần, mà có khi còn “nhiều lần” (Oan Đi – xnay), tới năm lần (Hen – ri Pho). Thế nhưng không vì vấp ngã mà những đó chùn bước, trái lại họ đạt đến thành công rực rỡ. Kết luận và cũng là luận điểm chính của bài là: Không sợ vấp ngã, không sợ thất bại

Các dẫn chứng đưa ra trong phép chứng minh (số liệu, sự kiện, hiện tượng, danh ngôn, thơ văn,...) cần phải có độ tin cậy, có tính chính xác, có tính chất tiêu biểu, tính chất toàn diện. Tác giả Phạm Văn Đồng chứng minh Tiếng Việt giàu trên cơ sở đời sống tư tưởng và tình cảm của ta giàu, trên cơ sở kinh nghiệm đấu tranh lâu đời và phong phú của dân tộc, trên cơ sở kinh nghiệm sống giàu có của nhân dân ta trong bốn ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước.

b, Muốn làm bài văn nghị luận chứng minh phải nắm vững vấn đề cần chứng minh. Đó là vấn đề gì? Phạm vi của nó đến đâu? Các dẫn chứng có thể tìm ở nguồn nào?

Vấn đề và yêu cầu chứng minh nằm ngay trong đề bài. Bởi vậy khâu tìm hiểu đề bài rất quan trọng, quyết định phương hướng đúng đắn cho bài viết hay nói

Sau khi tìm hiểu, xác định vấn đề chứng minh, cần tìm các dẫn chứng, lí lẽ. Có thể lấy từ trong đời sống, trong lịch sử, trong sách vở. Làm bài chứng minh một vấn đề đạo đức, một vấn đề đạo đức, một vấn đề xã hội chủ yếu cần tìm dẫn chứng trong đời sống. Làm bài chứng minh một nhận định về vấn đề văn học hay tác phẩm văn học chủ yếu lấy dẫn chứng trong tác phẩm. Và cũng có vấn đề đòi hỏi lấy dẫn chứng kết hợp từ nhiều nguồn ấy với nhau

Dẫn chứng phải đảm bảo tính đúng đắn, phải chính xác, căn cứ trên sách vở và những nguồn thông tin đáng tin cậy

Vấn đề quan trọng khác là cách lập luận, trình bày dẫn chứng sao cho tập trung, chặt chẽ. Điều này đòi hỏi nghệ thuật lập luận của người viết. Cách sắp xếp dẫn chứng mạch lạc, lớp lang sẽ đạt hiệu quả chứng minh cao. Ngược lại, nếu không biết sắp xếp, các dẫn chứng sẽ lộn xộn, rời rạc, không thể tập trung làm rõ vấn đề cần chứng minh

2, Hướng dẫn tìm hiểu đề, lập dàn ý, tạo lập văn bản

Dàn bài chung

Mở bài:

Giới thiệu vấn đề cần chứng minh: một nhận định, một ý kiến, một kinh nghiệm, một mệnh đề (xuất xứ từ đâu, ai nói, ai nhận định, ai viết, ...)

Thân bài:

Lần lượt chứng minh các vấn đề

- Vấn đề thứ nhất

Lập luận, dẫn dắt, đưa ra các dẫn chứng:

- + Dẫn chứng 1
- + Dẫn chứng 2
- Vấn đề thứ hai

Lập luận, dẫn dắt, đưa ra các dẫn chứng:

- + Dẫn chứng 1
- + Dẫn chứng 2
- + Dẫn chứng 3

Tổng hợp lại những vấn đề đã chứng minh, nhấn mạnh tính chặt chẽ, rõ ràng, không thể bác bỏ được

Kết bài:

- Nhắc lại những điểm chính đã làm sáng tỏ
- Khẳng định lại một lần nữa vấn đề đã chứng minh từ nhiều góc độ khác nhau

II – Kiểu bài thứ 2: Lập luận giải thích

1, Lưu ý chung

a, Giải thích trong văn nghị luận là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lí, phẩm chất, quan hệ, ... cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho con người

Người ta thường giải thích bằng cách: nêu định nghĩa, kể ra các biểu hiện, so sánh, đối chiếu với các hiện tượng khác, chỉ ra các mặt lợi, hại, nguyên nhân, hậu quả của hiện tượng, vấn đề được giải thích. Ví dụ giải thích về lòng khiêm tốn có thể được coi là một bản tính căn bản cho con người; liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn; Chỉ ra cái lợi của khiêm tốn, cái hại của không khiêm tốn; Nêu rõ lí do cần phải khiêm tốn.

Khi giải thích, lí lẽ phải rõ ràng, dễ hiểu và chặt chẽ thì mới có sức thuyết phục. Tất nhiên, trong một chừng mực, để đảm bảo cho lí lẽ có sức thuyết phục, người giải thích cũng cần nêu dẫn chứng, nhưng phần chứng minh này chỉ có mục đích làm sáng tỏ lí lẽ mà thôi.

b) Giải thích một quan niệm, một câu danh ngôn, một nhận định, nội dung một câu ca dao, tục ngữ đòi hỏi phải hiểu rõ vấn đề cần giải thích chứa đựng trong đó.

Người viết không chỉ đưa ra cách hiểu của riêng mình mà cần phải đưa ra cách hiểu chung nhất, phổ biến nhất về vấn đề đó.

Để làm rõ vấn đề, người viết căn cứ vào yêu cầu của đề để tập hợp lí lẽ, sắp xếp lí lẽ. Vận dụng các phương pháp giải thích một cách thích hợp(định nghĩa, diễn giải, liệt kê, nêu ví dụ, đối sánh,..) để làm sáng tỏ vấn đề một cách toàn diện.

Trong quá trình giải thích, có khi cần lấy một vài dẫn chứng để chứng minh cho lập luận, dẫn giải. Nhưng cần chú ý không lấy dẫn chứng tràn lan và không biến việc giải thích thành việc chứng minh.

Với những vấn đề khó nên đưa ra nhận định ở mức cần thiết không to tát, cứng nhắc và có thể giới thiệu còn có những cách hiểu khác nữa, nhưng cần tập trung vào cách hiểu được trình bày.

2, Hướng dẫn tìm hiểu đề, lập dàn ý, tạo lập văn bản.

Dàn bài chung:

a) Mở bài

- Giới thiệu vấn đề cần giải thích: một nhận xét, một đánh giá, một câu tục ngữ, bài ca dao...
- Nêu phương hướng, phạm vi cần giải thích: những từ ngữ nào, nội dung gì...

b) Thân bài

- giải thích lần lượt các nội dung đã định hướng ở phần mở bài
- Lí lẽ của người giải thích
- Nội dung của những vấn đề cần giải thích(định nghĩa, nghĩa đen, nghĩa bóng, phạm vi tác động..)
- Cách hiểu đúng đắn, toàn diện đối với vấn đề, căn cứ vào điều kiện lịch sử, cụ thể.

c) Kết bài

- Nhấn mạnh cách hiểu đúng, không thể bác bỏ hay xuyên tạc.
- Cũng có thể liên hệ với thực tế hay rút ra bài học cho bản thân.

III- Kiểu bài thứ 3- Lập luận giải thích, kết hợp với chứng minh

*** Lưu ý chung**

Đây là kiểu bài nghị luận hỗn hợp, yêu cầu kết hợp cả hai phương thức lập luận giải thích và chứng minh. Yêu cầu kĩ năng của loại bài này cao hơn loại giải thích và chứng minh biệt lập.

Cách làm như là đối với việc chứng minh và giải thích đã nêu bên trên. Điểm khác biệt là kiểu bài này phải sử dụng giải thích để làm sáng tỏ vấn đề, sau đó chứng minh tính chất của vấn đề hoặc ngược lại lần lượt giải thích hoặc chứng minh. Tỷ lệ vận dụng cả hai kiểu lập luận tùy theo mức độ yêu cầu của đề bài.

Có ba kiểu kết hợp chính thường gặp là:

- Giải thích vấn đề nêu ra. Sau đó chứng minh vấn đề đó bằng dẫn chứng trong lịch sử, trong văn học và trong đời sống.
- Chứng minh vấn đề. Sau đó dùng lí lẽ giải thích để làm sáng tỏ thêm điều đã chứng minh.
- Lần lượt giải thích, chứng minh vấn đề xen kẽ nhau. Nêu lí lẽ, dẫn chứng, lập luận như yêu cầu của hai kiểu: lập luận chứng minh và lập luận giải thích.

Tỷ lệ của phần giải thích, chứng minh tùy theo yêu cầu cụ thể của từng đề bài. Điều khó nhất là làm thế nào để phần giải thích và chứng minh gắn bó mật thiết, thống nhất trong một bài viết, chứ không phải là ghép hai phần đó vào nhau tạo ra văn bản rời rạc.

C) HỆ THỐNG CÁC CHÙM ĐỀ CƠ BẢN SAU:

Chùm đề 1: Tình yêu thương

Chùm đề 2: Lòng biết ơn

Chùm đề 3: Ý chí nghị lực